

Số: /TB-SXD

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần bất động sản Detech Land

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ hồ sơ thiết kế được thẩm định tại Văn bản số 1733/SXD-PTDT&HTKT ngày 23/8/2018, Văn bản số 58/SXD-PTDT&HTKT ngày 11/01/2021 và Văn bản số 1735/SXD-PTDT&HTKT ngày 07/7/2021 của Sở Xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng: số 1985/GPXD ngày 20/9/2018; số 492/GPXD ngày 08/3/2019; số 2219/GPXD ngày 09/9/2019 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2200/CSPCCC&CNCH ngày 22/7/2020 và Văn bản số 3828/CSPCCC&CNCH ngày 24/11/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Dự án Khu dân cư số 2, làn 2 QL31 thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành xây dựng công trình số 152/2021/CV-DEL ngày 20/9/2021 của Công ty Cổ phần bất động sản Detech Land về việc hoàn thành thi công xây dựng công trình: Dự án Khu dân cư số 2, làn 2 QL31 thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam;

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày 05/10/2021.

Sở Xây dựng thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty Cổ phần bất động sản Detech Land đề đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

I. Thông tin về công trình

1. Tên công trình: Dự án Khu dân cư số 2, làn 2 QL31 thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Loại và cấp công trình:

- Công trình giao thông (đường trong đô thị), cấp III.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, công viên cây xanh), cấp III.
- Công trình công nghiệp (đường dây và trạm biến áp), cấp IV.

4. Quy mô và giải pháp thiết kế của công trình:

4.1. Nội dung đầu tư xây dựng: Xây dựng mới 19,7ha hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và thực hiện đấu nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực lân cận dự án.

4.2. Giải pháp thiết kế:

4.2.1. San nền:

San nền trong toàn bộ diện tích các lô đất thuộc dự án; cao độ san nền cao nhất là +7,65m, thấp nhất là +6,30m. San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, tính toán khối lượng san nền theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m; độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy, hướng dốc về phía đường giao thông. Trước khi đắp san nền tiến hành vét bùn tại các vị trí ao, hồ hiện trạng. Vật liệu san nền sử dụng đất cấp phối đồi, lu lèn đạt độ chặt yêu cầu $K \geq 0,85$; lô đất cây xanh và một số lô đất ở được tận dụng đắp từ đất dư thừa của hạng mục đào nền đường (đắp không yêu cầu độ chặt).

4.2.2. Giao thông:

a) Thiết kế bình đồ: Xây dựng hệ thống các tuyến đường trong khu vực dự án gồm 19 tuyến đường với quy mô mặt cắt ngang, hướng tuyến tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

b) Thiết kế trắc dọc: Cao độ tim đường thiết kế tuân thủ theo cao độ khống chế trong quy hoạch, đầu nối phù hợp với các tuyến đường hiện trạng và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường.

c) Thiết kế trắc ngang: Các tuyến đường giao thông trong dự án được thiết kế với quy mô mặt cắt ngang hoàn chỉnh. Mặt đường dốc ngang 2 mái, $i=2,0\%$ dốc về phía bó vỉa; hè đường dốc ngang về phía mặt đường, $i=2,0\%$.

Thiết kế 9 loại mặt cắt ngang có kích thước như sau:

- Mặt cắt 2-2 có bề rộng 12,18m 12,75m (đầu nối vào đường theo quy hoạch); trong đó: Mặt đường rộng 8,18m 8,75m (bao gồm rãnh biên 1 bên rộng 0,25m); hè đường đầu tư 1 bên phía dự án rộng 4m.

- Mặt cắt 2'-2' thuộc dự án chỉ đầu tư phân vỉa hè rộng 6m (theo quy hoạch rộng 22,5m, đã được đầu tư phần mặt đường rộng 10,5m và vỉa hè 1 bên rộng 6m).

- Mặt cắt 3-3 rộng 21m, trong đó: Mặt đường rộng 9m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường 2 bên rộng $6m \times 2 = 12m$.

- Mặt cắt 4-4 rộng 19m, trong đó: Mặt đường rộng 9m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường 2 bên rộng $5m \times 2 = 10m$.

- Mặt cắt 5-5 rộng 15,0m, trong đó: Mặt đường rộng 7m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường 2 bên rộng $4m \times 2 = 8m$.

- Mặt cắt 6-6 rộng 37,0m, trong đó: Mặt đường hai bên $7m \times 2 = 14m$ (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); dải cây xanh ở giữa rộng 15m; hè đường 2 bên rộng $4m \times 2 = 8m$.

- Mặt cắt 7-7 rộng 11,5m, trong đó: Mặt đường rộng 5,5m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường 2 bên rộng $3m \times 2 = 6m$.

- Mặt cắt 8-8 rộng 12,5m, trong đó: Mặt đường rộng 5,5m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường rộng 3m và 4m.

- Mặt cắt 9-9 rộng 10,0m, trong đó: Mặt đường rộng 5,5m (bao gồm rãnh biên 2 bên rộng $2 \times 0,25m = 0,5m$); hè đường rộng $2,25m \times 2 = 4,5m$.

d) Nền, mặt đường:

- Nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp; trước khi đắp tiến hành vét bùn, hữu cơ đối với đoạn qua ao, ruộng. Vật liệu đắp nền đường sử dụng đất cấp phối đồi, trong phạm vi 30cm (đối với kết cấu áo đường loại 1) hoặc 50cm (đối với kết cấu áo

đường loại 2) dưới đáy kết cấu áo đường lu lèn đạt độ chặt yêu cầu K 0,98, phía dưới lu lèn chặt K 0,95, đảm bảo đạt cường độ nền Eo 42MPa. Phạm vi nền vỉa hè đầm chặt đạt K 0,90.

- Mặt đường gồm 2 loại sử dụng kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-06):

+ Kết cấu loại 1 (Eyc 155MPa) áp dụng đối với các tuyến RD-04, RD-05A, RD-06A, gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm (hàm lượng nhựa 4,5%); tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm (hàm lượng nhựa 4%); tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; cấp phối đá dăm loại II dày 35cm.

+ Kết cấu loại 2 (Eyc 120MPa) áp dụng đối với các tuyến còn lại, gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm (hàm lượng nhựa 4,5%); tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm (hàm lượng nhựa 4%); tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 17cm.

- Mặt đường tại các vị trí vượt nổi giữa tuyến đường của dự án với đường hiện trạng gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm (hàm lượng nhựa 4%); tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; nền đường đắp đất cấp phối đồi đầm chặt đạt K 0,98 dày 30cm.

e) Hè đường, rãnh biên:

- Kết cấu vỉa hè hoàn thiện lát gạch block tự chèn bát giác dày 6cm (bề mặt gạch không men bóng), phía dưới lót cát đệm tạo phẳng dày 5cm. Thiết kế hạ hè ở các vị trí qua đường dành cho người khuyết tật rộng 1,5m. Bó gáy hè xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 50, phía dưới đệm bê tông lót mác 150, đá 1x2 dày 10cm, rộng 21cm.

- Bó vỉa hè đường sử dụng viên vỉa bê tông đúc sẵn mác 200 kích thước 26x23x100cm (đoạn cong sử dụng viên kích thước 26x23x50cm), phía dưới đệm bê tông lót mác 150 đá 1x2, dày 10cm, rộng 31cm. Bó vỉa bao quanh dải cây xanh (tuyến RD-06B, RD-13) sử dụng viên vỉa bê tông đúc sẵn mác 200 kích thước 20x47x100cm, phía dưới đệm bê tông lót mác 150 đá 1x2, dày 10cm, rộng 25cm.

- Trên vỉa hè thiết kế trồng cây xanh đô thị (dự kiến trồng các loại cây bàng lá nhỏ, sao đen, bằng lăng, phượng vĩ, sấu) với khoảng cách giữa các cây 7m 10m (đảm bảo trồng cây tại ranh giới giữa hai lô đất ở liền kề). Hồ trồng cây kích thước lòng trong 1,2x1,2m; kết cấu hồ xây gạch đất sét nung kích thước 22x10,5x6cm, vữa XM mác 75, rộng 22cm, miết mạch tạo kiến trúc, phía dưới đệm bê tông lót mác 150 đá 1x2, dày 10cm.

- Rãnh biên đổ bê tông mác 200 dày 5cm, hướng dốc tụ thủy về các hố ga thu nước mưa.

f) Tổ chức giao thông: Thiết kế tổ chức giao thông theo hình thức tự điều khiển bằng hệ thống các vạch sơn, biển báo tại tất cả các tuyến đường và các nút giao thông của dự án tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT. Các nút giao với đường QL31, QL37 thực hiện theo Công văn số 1623/SGTVT-QLKC ngày 07/5/2018 của Sở Giao thông vận tải.

4.2.3. Cấp nước và PCCC:

- Thiết kế cấp nước sinh hoạt với công suất $576\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Nguồn nước cấp cho khu vực dự án được lấy từ đường ống cấp nước sạch D200 chạy dọc Quốc lộ 31 nằm ở phía Tây-Bắc của dự án theo thỏa thuận với Công ty nước sạch Bắc Giang tại Công văn số 137/NSBG-KTVT ngày 26/3/2018 (có dự phòng điểm đầu với đường ống cấp nước sạch D150 theo quy hoạch chạy dọc QL37).

- Đường ống phân phối sử dụng ống HDPE đường kính D110 và D160; nước sinh hoạt được cấp cho các điểm tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE đường kính D63; ống được đi ngầm dưới vỉa hè, chiều sâu chôn ống $h=0,5\text{m}$ (đối với ống D63), $h=0,7\text{m}$ (đối với ống D110, D160), đoạn ống qua đường chôn sâu $h=0,7\text{m}$ được luồn trong ống thép bảo vệ đường kính D100 (đối với ống cấp nước D63), D150 (đối với ống cấp nước D110), D200 (đối với ống cấp nước D160); xung quanh ống đắp cát đen đầm chặt K90 (đối với tuyến ống trên vỉa hè), K95 (đối với tuyến ống đi qua đường).

- Cấp nước chữa cháy: Nhu cầu cấp nước chữa cháy cho dự án thiết kế với công suất $162\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Hạng cấp nước cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối. Các hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa trung bình 100m-150m.

4.2.4. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và đầu nối phù hợp với hệ thống thoát nước mặt xung quanh khu vực dự án. Nước mưa được thu về phía các giếng thu (hố ga) và chảy vào hệ thống cống tròn BTCT đặt ngầm dưới hè đường; hệ thống giếng thu nước được bố trí cách nhau trung bình 30m/giếng. Hướng thoát nước mưa chia thành 2 lưu vực: Lưu vực thứ nhất thoát về phía Tây-Bắc dự án qua cống hộp hiện trạng ngầm dưới đường Quốc lộ 31 có khẩu độ BxH=1500x1500; lưu vực thứ hai thoát về phía Đông-Nam dự án qua cống hộp có khẩu độ BxH=3000x2000 đặt ngầm dưới đường Quốc lộ 37 (hiện trạng là cống tròn D1000 và được cải tạo thành cống hộp).

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng kết hợp giữa cống tròn đường kính D400 D1500 và cống hộp khẩu độ BxH=1500x1300, 1500x1500, 3000x2000. Cống tròn sử dụng ống BTCT ly tâm đúc sẵn mác 300 (theo TCVN 9113:2012, cống qua đường sử dụng cống tải trọng C, cống nằm trên vỉa hè sử dụng cống tải trọng T), độ dốc thoát nước tối thiểu $i=1/D$. Gối đỡ cống bằng BTCT đúc sẵn mác 200. Cống hộp BTCT mác 250 đổ tại chỗ, phía dưới đệm bê tông lót mác 150 dày 10cm. Cải tạo cống tròn D1000 qua đường QL37 hiện trạng thành cống hộp BxH=3000x2000 có chiều dài khoảng 126m.

- Kích thước hố ga thiết kế tuân thủ Quy chuẩn QCVN 07-2:2016/BXD, cụ thể: Cống có đường kính D 800, kích thước bên trong hố ga là 1000x1000; cống có đường kính D1000, kích thước bên trong hố ga là 1200x1500; cống có đường kính D1200, kích thước bên trong hố ga là 1200x1700; cống có đường kính D1500, kích thước bên trong hố ga là 1200x2000. Kết cấu tường hố ga xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy hố ga đổ bê tông mác 200 dày 20cm, phía dưới đổ bê tông lót mác 150 dày 10cm.

4.2.5. Thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống rãnh B400 chạy dọc sau nhà, sau đó thu về tuyến cống tròn BTCT D300 D400 đặt

ngầm dưới hè đường, hướng thoát nước về trạm xử lý nước thải đặt tại hướng Đông-Nam của dự án. Nước thải được thu về và xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 380m³/ngày đêm, sau khi đảm bảo tiêu chuẩn cho phép sẽ đầu nối chung với hệ thống cống hộp thoát nước mưa BxH=3000x2000.

- Kết cấu tường rãnh B400 xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 50, hoàn thiện trát lòng trong vữa XM mác 50, dày 1,5cm; đáy móng rãnh đổ bê tông mác 200 dày 10cm; phía dưới đổ bê tông lót mác 150 dày 10cm; tấm đan rãnh BTCT mác 200, kích thước 60x100cm dày 10cm. Cống tròn BTCT D300, D400 đúc sẵn mác 300 (theo TCVN 9113:2012, cống qua đường sử dụng cống tải trọng C, cống nằm trên vỉa hè sử dụng cống tải trọng T), gối đỡ cống BTCT đúc sẵn mác 200. Hồ ga xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy hồ ga đổ bê tông mác 200 dày 15cm, phía dưới đổ bê tông lót mác 150 dày 10cm.

4.2.6. Trạm xử lý nước thải:

Bao gồm 01 bể xử lý nước thải kích thước 12x17,5m, cao 4,4m và 01 nhà vận hành trạm xử lý kích thước 4,0x4,0m, cao 4,3m.

- Bể xử lý: Được chia làm 10 ngăn gồm: Bể tiếp nhận nước thải kết hợp tách mỡ (3 ngăn), bể điều hòa nước thải, bể xử lý sinh học thiếu khí - Anoxic, bể xử lý sinh học hiếu khí - MBBR, bể trung gian bơm nước tuần hoàn, bể lắng đứng, bể khử trùng, bể chứa nén bùn và các phụ kiện đi kèm (máy bơm, máy khuấy, tủ điện, cụm pha hóa chất). Kết cấu bể đổ BTCT mác 250, đáy bể dày 30cm, thành ngoài bể dày 25cm, vách ngăn giữa các bể dày 20cm.

- Nhà vận hành trạm xử lý: Kết cấu móng đơn BTCT mác 200, kích thước 0,8x0,8m, sâu 0,8m; cột, sàn mái đổ BTCT mác 200. Tường xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75; hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm và lăn sơn. Cửa đi nhôm kính kích thước 1,2x2,0m; cửa sổ chớp lật kích thước 1,2x1,0m.

- Kết cấu sân trạm xử lý đổ bê tông mác 250 dày 18cm trên lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, ở giữa ngăn cách bằng lớp nilon chống mất nước.

4.2.7. Cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho các trạm biến áp thuộc dự án được lấy từ đường dây trung thế 22kV cột 26 lộ 475 và cột 29 lộ 473 trạm 110kV Lục Nam. Xây dựng 5 trạm biến áp tại 5 vị trí khác nhau; công suất trạm 1, 2, 3, 4: 2x500kVA-22/0,4kV, trạm 5: 500kVA-22/0,4kV. Tháo dỡ và dịch chuyển trạm biến áp Vận Động 2 22/0,4kV-320kVA sang vị trí mới (cạnh khuôn viên CX-08).

- Điện trung thế: Thực hiện hạ ngầm tuyến đường dây trên không 22kV lộ 475E7.14 hiện trạng đi qua dự án (từ cột số 26/475-E7.14 đến cột số 33/475-E7.14), dây trung thế đi ngầm trong đất sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x(1x240mm²)-24kV và Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x(1x95mm²)-24kV; đoạn qua đường được luồn trong ống thép đen.

- Điện hạ thế 0,4kV: Xây dựng các lộ xuất tuyến hạ thế từ 5 trạm biến áp về các tủ điện phân phối khu vực; đường dây chôn ngầm trong đất dưới vỉa hè các tuyến đường, sử dụng cáp loại Cu/XLPE/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện từ 4x4mm² đến 4x300mm².

- Chiếu sáng các tuyến đường giao thông dùng các loại đèn LED công suất tiêu thụ 70W và 120W. Đèn được lắp trên các cột cần đơn chiều cao H=8m, H=10m, độ

vườn cần 1,5m. Cáp điện cáp cho đèn chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC-0,6/1kV đi ngầm dưới vỉa hè. Tại các khuôn viên cây xanh bố trí đèn trang trí 4 bóng D400 công suất 4x26W đặt trên các cột cao H=3,5m.

4.2.8. Thông tin liên lạc:

- Thiết kế các ống luồn cáp, bể cáp chờ sẵn để phục vụ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin trong tương lai. Tuyến ống được hạ ngầm, sử dụng loại ống nhựa uPVC; độ sâu chôn ống trên vỉa hè tối thiểu 0,5m, qua đường tối thiểu 0,7m.

- Bố trí các bể cáp với khoảng cách trung bình 40m 50m/1bể. Kết cấu bể cáp xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy bể cáp đổ bê tông lót mác 150 dày 10cm; nắp bể cáp đặt tấm đan BTCT mác 200 dày 7cm. Các hố ganivo bố trí với khoảng cách trung bình 7m 10m/1hố.

4.2.9. Khuôn viên cây xanh:

Thiết kế các khu khuôn viên cây xanh xen kẽ các khu đất ở để tăng cường cảnh quan đô thị. Các khuôn viên bao gồm hệ thống đường dạo bao quanh các ô đất được thảm cỏ và trồng các cây bụi, cây hoa, cây bóng mát; kết cấu đường dạo lát gạch terrazzo kích thước 40x40x3cm trên lớp bê tông lót mác 150 dày 15cm.

4.2.10. Bãi đỗ xe, trạm trung chuyển rác:

Xây dựng 03 bãi đỗ xe (lô CX-P) và trạm trung chuyển rác (lô CX-R) tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Kết cấu bãi đỗ xe, sân trạm trung chuyển rác đổ bê tông mác 250 dày 18cm trên lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, ở giữa ngăn cách bằng lớp nilon chống mất nước.

4.3. Nội dung thay đổi điều chỉnh:

a) Hạng mục giao thông:

- Điều chỉnh cắt giảm một phần vỉa hè do không giải phóng được mặt bằng (người dân đã xây dựng nhà ở kiên cố) tại 2 vị trí nút giao, cụ thể: Nút giao N2 thuộc tuyến 5A giao với Quốc lộ 31 (diện tích vỉa hè giảm 128,8m²); Nút giao N17 thuộc tuyến 4 giao với Quốc lộ 37 (diện tích vỉa hè giảm 153,06m²).

- Điều chỉnh hướng tuyến RD8 (N7-N43) để tránh phá dỡ công trình nhà văn hóa hiện trạng; đồng thời điều chỉnh diện tích bãi đỗ xe, bãi tập kết rác hai bên tuyến RD8.

b) San nền: Điều chỉnh diện tích, khối lượng san nền lô đất bãi đỗ xe P1, ga trung chuyển rác theo điều chỉnh tuyến RD8; điều chỉnh giảm diện tích san nền lô LO-12 (BT04) theo điều chỉnh đất hiện trạng tại khu vực thôn 20.

c) Hạng mục thoát nước mưa: Điều chỉnh dịch chuyển tuyến cống hộp thoát nước BxH=3000x2000 về phía lô đất ở mới LK-4, LK-5 để bố trí đất xây rãnh thoát nước hoàn trả cho dân cư hiện trạng; cắt giảm hệ thống cống thoát nước mưa ngang đường trên tuyến RD19 do dự án cải tạo, nâng cấp đường của Thị trấn Đồi Ngô đã xây dựng rãnh thoát nước dọc thu gom nước.

d) Hạng mục thoát nước thải:

- Điều chỉnh vị trí rãnh thoát nước thải B400 từ nằm phía sau lô đất ở mới LK-4, LK-5 thành đặt trên vỉa hè tuyến RD12.

- Bổ sung hệ thống rãnh B400 và cống D400 để thu gom nước thải cho dân cư hiện trạng mặt đường Quốc lộ 37, đất quy hoạch trạm y tế (YT), đất ở LK1. e) Hạng mục cấp điện: Điều chỉnh vị trí các cột điện hạ thế, trung thế và TBA Vận Động theo

yêu cầu của địa phương (nội dung này đã được Công ty điện lực Bắc Giang thỏa thuận thiết kế tại Văn bản số 2878/PCBG-P4 ngày 23/7/2020), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh vị trí trồng cột điện hạ thế trạm biến áp Vân Động hoàn trả lên via hè tuyến RD15, RD19 (phía dự án), kết hợp cột điện hạ thế BTCT lắp chụp đèn chiếu sáng, hạ ngầm đường dây hạ thế giữa các cột hạ thế. Điều chỉnh chi tiết cấp điện hạ thế theo sơ đồ phân lô điều chỉnh tại LK10, BT04. Bổ sung xà sứ các cột điện trung thế số 22, 26, 29B, 33 và tủ hạ thế các điểm chờ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định an toàn điện lực.

- Dịch chuyển đường dây trung thế đoạn từ cột 2-VĐ/475E7.14 đến TBA Vân Động.

- Dịch chuyển đường dây hạ thế từ tủ 0,4kV TBA Vân Động đến cột 3-I/VĐ, từ tủ 0,4kV TBA Vân Động đến cột 3-II-III/VĐ và từ cột 3-II/VĐ đến cột 3.7-II/VĐ.

- Điều chỉnh đoạn dịch chuyển đường dây trung thế từ cột 26/475E7.14 đến cột 31/475E7.14 thành từ cột 26/475/475E7.14 đến cột 33/475E7.14.

- Điều chỉnh kết cấu xà thép tại các cột 26/475/475E7.1, 33/475/475E7.14, 29B/475/475E7.14, 2-VĐ/475E7.14.

f) Hạng mục cấp nước, thông tin liên lạc: Điều chỉnh vị trí đường dây cấp điện hạ thế, ống cấp nước và hố ganivo đầu nối hệ thống thông tin liên lạc phù hợp với việc điều chỉnh quy hoạch chia lô đất ở từ liền kề LK-09 sang đất ở biệt thự BT-04.

g) Nút giao N17:

- Điều chỉnh thiết kế kết cấu nền, mặt đường tại nút giao N17 thuộc tuyến RD04, phạm vi điều chỉnh có diện tích 347,64m².

- Kết cấu nền, mặt đường nút giao sau khi điều chỉnh gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 (hàm lượng nhựa 4,5%) dày 5cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa chặt 19 (hàm lượng nhựa 4%) dày 7cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², bê tông xi măng mác 300 dày 20cm (kết hợp rải 01 lưới thép D10a200), phía dưới lớp móng sử dụng cát đen đầm chặt K_≥95 dày 63cm.

h) Nút giao N41:

- Điều chỉnh thiết kế kết cấu nền, mặt đường tại nút giao N41 thuộc tuyến RD12, phạm vi điều chỉnh có diện tích 215,59m².

- Kết cấu nền, mặt đường nút giao sau khi điều chỉnh gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 (hàm lượng nhựa 4,5%) dày 4cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa chặt 19 (hàm lượng nhựa 4%) dày 6cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², bê tông xi măng mác 300 dày 20cm (kết hợp rải 01 lưới thép D10a200), phía dưới lớp móng sử dụng cát đen đầm chặt K_≥95 dày 62cm.

II. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

1. Rà soát, tập hợp lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

2. Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

3. Yêu cầu khác:

- Khắc phục hiện trạng công trình: Rà soát, vệ sinh rác thải các vị trí hố ga thu nước và đậy nắp tấm đan cho bằng phẳng; lắp đặt bó vỉa một số vị trí bị nứt vỡ, một

số vị trí vỉa hè bị sụt lún; biển báo giao thông người đi bộ và biển báo giao với đường ưu tiên lắp đặt theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT.

- Chỉnh sửa bản vẽ hoàn công chưa đúng với thực tế thi công (thi công 02 cầu dao chém ngang, hồ sơ hoàn công thể hiện 02 cầu dao phụ tải).

- Chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia xây dựng công trình chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, phù hợp của: Bản vẽ hoàn công so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt; hồ sơ hoàn thành công trình so với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu chất lượng công trình.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan Cảnh sát PCCC&CHCN tại Văn bản số 2200/CSPCCC&CNCH ngày 22/7/2020 và Văn bản số 3828/CSPCCC&CNCH ngày 24/11/2020; đảm bảo an toàn về PCCC và bảo vệ môi trường. Rác thải thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. Yêu cầu chủ đầu tư đảm bảo các dịch vụ thiết yếu, duy trì hạ tầng kỹ thuật tới khi chính thức bàn giao cho các cơ quan chức năng.

- Thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống trạm xử lý nước thải; đồng thời lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đề nghị UBND huyện Lục Nam chỉ đạo các đơn vị chuyên môn chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích chưa thi công hoàn thiện (vướng mặt bằng 313,9m² tại các vị trí: Nút giao RD4 với QL37; bãi đỗ xe P2: 189m²; khu đất biệt thự liền kề số 2: 28m²).

- Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Lục Nam để xử lý dứt điểm các vướng mắc về mặt bằng thi công. Tăng cường nhân lực, máy móc, thiết bị để đẩy nhanh tiến độ thi công đảm bảo theo đúng cam kết thời gian thực hiện dự án. Sau khi hoàn thiện các nội dung nêu trên, đề nghị chủ đầu tư báo cáo sở xây dựng kiểm tra, làm căn cứ nghiệm thu bàn giao, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Vậy, Sở Xây dựng yêu cầu Chủ đầu tư cùng nhà thầu có liên quan khắc phục các nội dung nêu trên; đồng thời kiểm tra, rà soát các nội dung công việc đã thực hiện để công trình hoàn thành đảm bảo an toàn; lập bản vẽ hoàn công, nghiệm thu thanh quyết toán và thực hiện bảo hành công trình theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- UBND huyện Lục Nam;
- Lãnh đạo Sở;
- Thành viên Tổ kiểm tra;
- Lưu: VT, GD&QLCL_{Hải}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Vũ Thông